

CÔNG TY CP XNK VÀ LOGISTICS MINH NGUYỄN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP XNK VÀ LOGISTICS MINH NGUYỄN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH NGUYEN LOGISTICS AND XNK JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MN XNK-LOGISTICS JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 2301295382

3. Ngày thành lập: 22/07/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 184, Đường An Dương Vương, Phố Chờ, , Thị Trấn Chờ, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 038 6816113

Fax:

Email: khacthuoc710bn@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
2.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
3.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
4.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
5.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
6.	Sản xuất than cốc	1910
7.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
8.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
9.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
10.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
11.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
12.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
13.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
14.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
15.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
16.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
17.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
18.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
19.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
20.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790

Thời gian đăng từ ngày 23/07/2024 đến ngày 22/08/2024

21.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
22.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
23.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
24.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
25.	Sản xuất điện Chi tiết : Sản xuất điện mặt trời	3511
26.	Xây dựng nhà để ở	4101
27.	Xây dựng nhà không để ở	4102
28.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
29.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
30.	Xây dựng công trình điện	4221
31.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
32.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
33.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
34.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
35.	Phá dỡ (Không bao gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4311
36.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
37.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
38.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
39.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
40.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
41.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
42.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
43.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4541
44.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đấu giá)	4543
45.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)	4610
46.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ buôn bán động vật sống)	4620
47.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
48.	Bán buôn thực phẩm (Trừ loại nhà nước cấm)	4632

49.	Bán buôn đồ uống (Trừ đồ uống có cồn)	4633
50.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
51.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ loại nhà nước cấm)	4649
52.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
53.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
54.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
55.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
56.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
57.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng)	4662
58.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
59.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
60.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690
61.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
62.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
63.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
64.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động...; (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
65.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi	4931
66.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
67.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
68.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
69.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
70.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
71.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222

72.	Bốc xếp hàng hóa (Trừ bốc xếp hàng hóa tại cảng hàng không)	5224
73.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
74.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: -Logistics - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển - Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa.	5229(Chính)
75.	Cho thuê xe có động cơ	7710
76.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
77.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
78.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620
79.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động của phòng chẩn trị y học cổ truyền - Hoạt động của phòng xét nghiệm - Hoạt động của phòng khám chẩn đoán hình ảnh, phòng X-Quang - Hoạt động của phòng khám, điều trị bệnh nghề nghiệp	8699

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 300.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN KHẮC DƯ	Phố Chờ, Thị Trần Chờ, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000	30.000.000	1,000	0270710010 89	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	3.000	30.000.000	1,000		
2	NGUYỄN KHẮC THUỘC	Khu phố 1, Đô Thị Mới, Thị Trần Chờ, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	294.000	2.940.000.000	98,000	0270940007 81	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	294.000	2.940.000.000	98,000		

3	NGUYỄN KHẮC DƯỠC	Phố Chờ, Thị Trần Chờ, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000	30.000.000	1,000	0270920009 48
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	3.000	30.000.000	1,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Ho và tên: NGUYỄN KHẮC THƯỚC

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 07/10/1994

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027094000781

Ngày cấp: 14/04/2023

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *Khu phố 1, Đô Thị Mới, Thị Trấn Chờ, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Khu phố 1, Đô Thị Mới, Thị Trấn Chờ, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh